

Số 96 -KH/TU

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị

**HUYỆN ỦY ĐƠN DƯNG
VĂN PHÒNG**

**về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ XIII của Đảng**

ĐẾN Số: 19.1330
Ngày: 09/08/19

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị “về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” (gọi tắt là *Chỉ thị số 35-CT/TW*); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2020 - 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, nhằm tạo sự đoàn kết, thống nhất cao về nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội của cấp mình, nhiệm kỳ 2015 - 2020; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ 2020 - 2025 và bầu cử cấp ủy khóa mới.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; tổ chức quán triệt, học tập nghiêm túc Chỉ thị số 35-CT/TW về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; nắm vững các yêu cầu, nội dung được nêu trong Chỉ thị của Bộ Chính trị, Kế hoạch này và triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả.

3. Công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng phải bảo đảm ổn định, an toàn, chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ, thời gian theo quy định. Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững nguyên tắc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu trong việc triển khai, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện.

4. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội, phải coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà cán bộ, đảng viên, nhân dân quan tâm.

II. NỘI DUNG, THỜI GIAN

1. Tổ chức Hội nghị quán triệt Chỉ thị số 35-CT/TW và Kế hoạch này

Tổ chức hội nghị (*trực tuyến đến đầu cầu cấp huyện*) quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy một cách nghiêm túc, kỹ lưỡng. Giao Văn phòng Tỉnh ủy phối với các cơ quan liên quan tổ

chức thực hiện, đảm bảo cấp tỉnh hoàn thành vào trung tuần tháng 8/2019; các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy tương đương hoàn thành trước 30/8/2019.

2. Nội dung Đại hội đảng bộ các cấp

Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung sau: (1) Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2020 - 2025; (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIII của Đảng và văn kiện Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp; (3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025; (4) Bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đảng bộ cấp trên.

Những nơi có khó khăn liên quan đến công tác nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý thì tiến hành đại hội với 3 nội dung, chưa bầu cấp ủy khoá mới.

3. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận

3.1. Dự thảo văn kiện của cấp ủy trình Đại hội gồm hai báo cáo chủ yếu

- Báo cáo chính trị của đảng bộ phải đánh giá khách quan, trung thực, sát tình hình thực tế; làm rõ những ưu điểm, khuyết điểm trên các lĩnh vực xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại..., nhất là việc thực hiện ba đột phá chiến lược và sáu nhiệm vụ trọng tâm mà Đại hội XII của Đảng đã xác định; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra bài học kinh nghiệm sâu sắc, toàn diện, sát thực tế; đồng thời, quán triệt quan điểm, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng và của cấp trên, cũng như điều kiện thực tế địa phương, đơn vị, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, khả thi, hiệu quả để thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình với thái độ nghiêm túc, thẳng thắn, xây dựng; đánh giá đúng, khách quan, trung thực công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ vừa qua; kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, XII, gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải cầu thị, khiêm tốn, lắng nghe nhiều chiều để đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp phù hợp, hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong thời gian tới.

- Trên cơ sở đề cương chung, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đối với những loại hình tổ chức cơ sở đảng trực thuộc có tính chất đặc thù, đảm bảo phù hợp, thiết thực.

3.2. Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện

- Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện Đại hội, các cấp ủy cần nghiêm túc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, cán bộ hưu trí, các nhà khoa học, nhân sĩ, trí thức, chuyên gia và các tầng lớp Nhân dân bằng các hình thức thích hợp, hiệu quả. Cấp ủy tỉnh và các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy chuẩn

bị tốt và có kế hoạch công bố dự thảo các văn kiện Đại hội và Báo cáo chính trị phù hợp với tình hình thực tế để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của Nhân dân.

- Để nâng cao chất lượng thảo luận, đóng góp ý kiến vào văn kiện tại Đại hội, các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội, chương trình hành động (*gồm những định hướng lớn, nội dung cơ bản của Báo cáo chính trị*) để đại hội thảo luận, quyết định. Đại hội các cấp phải dành thời gian thỏa đáng, phát huy trách nhiệm, trí tuệ của đại biểu trong thảo luận; bảo đảm dân chủ, kỹ lưỡng, sâu sắc, hiệu quả, tránh “qua loa”, hình thức; các ý kiến khác nhau cần dành thời gian thảo luận, tranh luận, làm rõ, đi đến thống nhất trên tinh thần cầu thị, lắng nghe, đoàn kết, xây dựng.

3.3. Về các hình thức tổ chức hội nghị thảo luận dự thảo các văn kiện

Căn cứ yêu cầu, hướng dẫn của Trung ương, các cấp ủy đảng tổ chức hội nghị thảo luận, đóng góp vào dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên và của cấp mình, cụ thể: Đại hội cấp cơ sở thảo luận dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp và của cấp mình. Đối với đại hội ở các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc thảo luận dự thảo văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng; dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và của cấp mình.

- Đối với cấp cơ sở:

+ Tổ chức hội nghị chi bộ, đảng bộ cơ sở; hội nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn; hội nghị các đoàn thể cơ quan, đơn vị thảo luận tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng, dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp và của cấp mình.

+ Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các hội nghị, cấp ủy cơ sở tổng hợp trình đại hội cấp mình thảo luận thông qua và báo cáo lên đảng bộ cấp trên.

- Đối với các huyện ủy, thành ủy và tương đương:

+ Các huyện ủy, thành ủy bằng hình thức thích hợp lấy ý kiến đóng góp của các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong nhiệm kỳ tới, gắn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với định hướng phát triển của các ngành trong tỉnh.

+ Tổ chức Hội nghị cán bộ và Hội nghị Mặt trận, các đoàn thể để thảo luận tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng, dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và dự thảo văn kiện đại hội cấp mình.

Thành phần hội nghị cán bộ gồm: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ; trưởng, phó ban, ngành, đoàn thể huyện, thành phố; bí thư, phó bí thư các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc.

Đối với hội nghị Mặt trận, các đoàn thể: Tùy theo điều kiện của từng địa phương, có thể tổ chức hội nghị lấy ý kiến chung tất cả các đối tượng hoặc từng đối tượng: Cán bộ hưu trí, thanh niên, phụ nữ, công đoàn, nông dân, cựu chiến binh...

+ Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các chi bộ, đảng bộ cơ sở và ý kiến của các hội nghị được tổ chức, ban thường vụ các huyện, thành ủy và tương đương tổng hợp thông qua đại hội đảng bộ cấp mình và báo cáo lên Đảng bộ tỉnh.

- Đối với cấp tỉnh:

+ Tổ chức hội nghị góp ý dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; thành phần hội nghị: Các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên nghỉ hưu qua các thời kỳ. Tổ chức hội thảo về những định hướng về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 05 năm 2020 - 2025 và những năm tiếp theo. Thành phần: mời các nhà khoa học, trí thức, chuyên gia các lĩnh vực... (*Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tham mưu thực hiện*).

+ Tổ chức hội nghị cán bộ và hội nghị Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Công bố dự thảo nội dung Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI trên phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia ý kiến.

Thành phần Hội nghị cán bộ gồm: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; trưởng, phó các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thành phố; Bí thư, Phó Bí thư các đảng ủy trực thuộc (*Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu thực hiện*).

Thành phần Hội nghị Mặt trận và các đoàn thể: Tùy hình thức phù hợp, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tổ chức lấy ý kiến đóng góp trong các thành phần: Các đồng chí Tỉnh ủy viên nghỉ hưu qua các thời kỳ, các nhà khoa học, nhân sĩ, trí thức, chuyên gia; cán bộ lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh (*Đảng đoàn MTTQ Việt Nam tỉnh tham mưu thực hiện*).

+ Trên cơ sở ý kiến đóng góp tại đại hội các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc và ý kiến đóng góp của các hội nghị cán bộ, Hội nghị Mặt trận, các đoàn thể và Nhân dân; Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng hợp trình Đại hội Đảng bộ tỉnh thông qua và báo cáo lên Đại hội XIII của Đảng (*Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu thực hiện*).

Lưu ý: Trong thảo luận các dự thảo văn kiện, cần phát huy dân chủ, coi trọng quyền phát biểu ý kiến của đại biểu, khuyến khích tranh luận thẳng thắn, tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Chủ trì các hội nghị quy định thời gian để mỗi đại biểu phát biểu ý kiến (từ 10 - 15 phút), đi thẳng vào những vấn đề trọng tâm, có chất lượng, khắc phục việc đọc tham luận dài, chung chung, liệt kê thành tích.

4. Về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

4.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, Quy định số 90-QĐ/TW của Bộ Chính trị khóa XII và Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể nêu tại **Phụ lục 1** của Kế hoạch này.

Kiên quyết sàng lọc, không để lọt vào cấp ủy khóa mới những người bản lĩnh chính trị không vững vàng; phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút; thiếu gương mẫu, mất đoàn kết, cục bộ, bè phái, cơ hội, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; chạy chức, chạy quyền, tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế, quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước, tiêu chuẩn chính trị và những điều đảng viên không được làm; quan liêu, cửa quyền, thiếu gần gũi mật thiết với nhân dân; bản thân hoặc vợ (chồng), con vi phạm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước làm ảnh hưởng tới uy tín cơ quan, đơn vị, bản thân cán bộ; kết quả thực hiện nhiệm vụ không cao.

4.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Cấp cơ sở tháng 4/2020; cấp huyện và tương đương tháng 6/2020; cấp tỉnh tháng 9/2020. Thời điểm tính tuổi tham gia chức danh lãnh đạo HĐND, UBND, Đoàn đại biểu Quốc hội tháng 5/2021. Thời điểm tính tuổi tham gia các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

Dừng việc bổ sung cấp ủy viên và ủy viên ban thường vụ cấp ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020 trước 6 tháng tính đến thời điểm đại hội ở mỗi cấp.

4.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội nói chung phải đủ tuổi công tác từ 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất cũng trọn 1 nhiệm kỳ. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội nói chung phải đủ tuổi công tác trọn 01 nhiệm kỳ, ít nhất phải còn đủ tuổi công tác từ 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng) trở lên tại thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy ở mỗi cấp và chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại thời điểm bầu cử (***nêu tại Điểm 4.2 nêu trên và Phụ lục 2***).

4.4. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy

a) Cơ cấu cấp ủy:

- Cơ bản bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; đồng thời, thống nhất thực hiện quy định một số chức danh cụ thể có cơ cấu ban thường vụ, số cơ cấu còn lại do cấp ủy quyết định theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị và khả năng đáp ứng của cán bộ.

- Kết hợp hài hòa, chặt chẽ, hiệu quả việc chuẩn bị nhân sự tại chỗ với điều động, luân chuyển, bố trí cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương và ngành có cơ cấu cấp ủy viên, nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ thì cấp ủy cấp trên điều động người đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ

chính trị từ nơi khác đến hoặc xem xét bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND các cấp. Thực hiện bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND ở cấp huyện, cấp xã đối với những nơi có đủ điều kiện. Mỗi đồng chí thường trực cấp ủy không giữ quá 2 chức danh trong các chức danh chủ chốt: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND.

- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 7 khoá XII, Kế hoạch số 63 -KH/TU ngày 10/10/2018 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương theo lộ trình, phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương; chủ động xây dựng kế hoạch để đến năm 2025 cơ bản hoàn thành ở cấp huyện; khuyến khích thực hiện đối với các chức danh khác.

- Phân đấu đạt tỷ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ; tỷ lệ cán bộ trẻ (*dưới 40 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện*) từ 10% trở lên; tỷ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu chủ động lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, đánh giá để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khoá mới; đồng thời, có giải pháp hiệu quả chuẩn bị nguồn cán bộ cả trước mắt và lâu dài.

- Cấp ủy các cấp đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên mỗi nhiệm kỳ và thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và phân đấu ba độ tuổi trong thường trực cấp ủy.

- Vào đầu nhiệm kỳ, nơi nào chưa chuẩn bị đủ số lượng, cơ cấu thì phải khẩn trương, nghiêm túc chuẩn bị nhân sự đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ sung, thay thế trong nhiệm kỳ bảo đảm đủ cơ cấu, tỉ lệ theo đúng quy định.

- Cơ cấu cấp ủy, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số và việc đổi mới cấp ủy trong lực lượng vũ trang, doanh nghiệp và một số đơn vị đặc thù thực hiện theo hướng dẫn riêng.

b) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy:

- Thực hiện giảm khoảng 5% số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh, cấp huyện so với số lượng tối đa đã được Trung ương, Tỉnh ủy xác định ở nhiệm kỳ 2015 - 2020 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, 7 khoá XII (**xem Phụ lục 3**).

- Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy trên cơ sở quy định khung của cấp có thẩm quyền.

4.5. Quy trình nhân sự cấp ủy

- Cơ bản thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khoá XII, Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị, Quy định số 02 -QĐi/TU ngày 31/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và được cụ thể hóa cho 2 đối tượng: (1) Nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy; (2) Nhân sự tái cử cấp ủy (**xem Phụ lục 4**).

- Cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu tham gia cấp ủy. Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện thẩm tra tư cách đại biểu theo quy định. Cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo thẩm tra, xác minh, kết luận trước khi tiến hành Đại hội đối với những nơi có vấn đề phức tạp, nhất là mất đoàn kết nội bộ hoặc có đơn, thư khiếu nại, tố cáo.

- Phân công công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử ở địa phương, cơ quan, đơn vị khác đối với các đồng chí bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương trở lên đã giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp (8 năm trở lên) tại một địa phương, cơ quan, đơn vị nếu còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia cấp ủy khóa mới theo quy định.

4.6. Thực hiện bầu cử trong đại hội

- Việc bầu cử cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Trường hợp danh sách bầu cử bí thư, phó bí thư cấp ủy không đúng với phương án nhân sự (đề án nhân sự) đã được cấp có thẩm quyền thông qua thì kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Trường hợp đồng chí được dự kiến giới thiệu để bầu giữ chức chủ nhiệm ủy ban kiểm tra không trúng cử vào cấp ủy, ban thường vụ hoặc ủy ban kiểm tra thì cấp ủy khóa mới báo cáo, xin ý kiến Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (*đối với cấp huyện*) và Ủy ban Kiểm tra Trung ương (*đối với cấp tỉnh*) về phương án giới thiệu nhân sự mới hoặc đề xuất tạm dừng việc bầu chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra để tiếp tục chuẩn bị.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội ở những nơi cấp ủy đoàn kết, thống nhất cao; nhân sự dự kiến giới thiệu là người tiêu biểu, hội tụ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời, phải được sự đồng ý của cấp ủy cấp trên trực tiếp. Việc bầu cử thực hiện theo Hướng dẫn số 34-HD/BTCTW, ngày 08/10/2009 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Thực hiện đại hội lấy phiếu giới thiệu bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào ban chấp hành đảng bộ khóa mới, trừ những nơi trực tiếp bầu bí thư cấp ủy. Kết quả giới thiệu của đại hội để cấp ủy khóa mới tham khảo khi bầu bí thư cấp ủy. Trường hợp giới thiệu của đại hội khác với phương án nhân sự được duyệt thì báo cáo cấp ủy cấp trên cho ý kiến chỉ đạo trước khi bầu bí thư cấp ủy.

5. Cơ cấu, số lượng đại biểu và việc bầu đại biểu dự đại hội cấp trên

- Việc xác định cơ cấu, số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp thực hiện theo hướng: Giữ nguyên số lượng đại biểu ở khối địa phương như một số nhiệm kỳ gần đây; đồng thời, đổi mới cách phân bổ để bảo đảm hợp lý thành phần, cơ cấu, giới tính, dân tộc; tăng số lượng đại biểu ở các ngành, lĩnh vực quan trọng để có từ 01 đến 02 đại biểu (*không tính đại biểu đương nhiên*) để nâng cao chất lượng thảo luận, phản biện, đóng góp ý kiến khi quyết định những chủ trương, chính sách lớn của Trung ương và địa phương. Căn cứ nguyên tắc này, cấp ủy triệu tập đại hội quyết định phân bổ đại biểu dự đại hội với số lượng cụ thể như sau:

(1) Đại hội Đảng bộ tỉnh không quá 350 đại biểu.

(2) Đại hội đảng bộ các huyện, thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh không quá 300 đại biểu; Lạc Dương, Đam Rông, Công an tỉnh, Quân sự tỉnh không quá 200 đại biểu; các huyện và tương đương còn lại không quá 250 đại biểu.

(3) Đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên; có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu. Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì tổ chức đại hội đại biểu.

- Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu đại hội đảng bộ các cấp.

- Đại hội đảng bộ các cấp được bầu một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt; số lượng do đại hội quyết định.

6. Thời gian và nội dung tiến hành đại hội đảng bộ các cấp

6.1. Thời gian tiến hành đại hội

- Đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở không quá 01 ngày, bắt đầu từ tháng **01/2020** và hoàn thành trong tháng **02/2020**.

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu cấp cơ sở không quá 02 ngày, bắt đầu từ tháng **4/2020** và hoàn thành trước ngày **30/6/2020**.

- Đại hội đảng bộ huyện, thành phố và tương đương không quá 03 ngày, bắt đầu từ tháng **6/2020** và hoàn thành trước ngày **31/8/2020**.

- Đại hội Đảng bộ tỉnh không quá 04 ngày, hoàn thành trước ngày **31/10/2020**.

- Thời gian họp trù bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh không quá 01 ngày; cấp huyện, thành phố và tương đương không quá 1/2 ngày.

6.2. Tổ chức đại hội điểm và thí điểm đại hội bầu trực tiếp bí thư cấp ủy

*** Đại hội điểm:**

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc (*cấp trên cơ sở*) chọn 01 hoặc 02 đảng bộ, chi bộ cơ sở (*xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, đơn vị ...*) để chỉ đạo đại hội điểm trong tháng **3/2019**.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn 01 hoặc 02 đảng bộ trực thuộc (*cấp trên cơ sở*) để chỉ đạo đại hội điểm, thời gian đại hội vào cuối tháng **5/2020**.

*** Thí điểm đại hội bầu trực tiếp bí thư cấp ủy:**

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc chọn 01 - 02 đảng bộ, chi bộ trực thuộc để đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn 01 hoặc 02 đảng bộ trực thuộc (*cấp trên cơ sở*) để thực hiện thí điểm chủ trương đại hội trực tiếp bầu Bí thư cấp ủy.

** Việc tổ chức đại hội điểm và đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy tại cơ sở, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy cần báo cáo và thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước khi tổ chức đại hội.*

6.3. Thời gian và nội dung cụ thể

** Từ tháng 8/2019 đến trước tháng 10/2019*

- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh đề quán triệt Chỉ thị, Kế hoạch và các văn bản liên quan đến đại hội đảng bộ các cấp (*đề cương dự thảo văn kiện, kế hoạch công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ...*).

- Các cấp ủy đảng hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ, cán bộ chủ chốt các cấp để làm cơ sở cho chuẩn bị nhân sự đại hội (*Lưu ý: bổ sung vào dự nguồn cấp ủy cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số để giới thiệu tham gia cấp ủy nhiệm kỳ tới, bảo đảm tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ và theo định hướng cơ cấu*).

- Các cấp ủy trực thuộc căn cứ Chỉ thị của Bộ Chính trị, Kế hoạch này, thành lập các Tiểu ban chuẩn bị đại hội của cấp ủy; tổ chức quán triệt, hướng dẫn đại hội đối với cấp dưới (*thành phần tham dự do Ban thường vụ cấp ủy quy định*); xây dựng kế hoạch, chuẩn bị dự thảo văn kiện và công tác nhân sự đại hội đảng bộ cấp mình; phân công ủy viên Ban Thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo việc chuẩn bị dự thảo văn kiện và công tác nhân sự đại hội đảng bộ cấp dưới.

** Từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019*

- Hoàn thành kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với tập thể và cá nhân năm 2019 và cả nhiệm kỳ (*Chỉ đạo đánh giá kỹ cán bộ cấp ủy đương nhiệm và dự nguồn cấp ủy các cấp, làm cơ sở cho công tác chuẩn bị nhân sự*).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị, trình Hội nghị Tỉnh ủy quyết định phân bổ đại biểu đảng bộ huyện, thành phố và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Đồng thời, Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quyết định việc phân bổ đại biểu cấp cơ sở đi dự đại hội cấp mình.

** Từ tháng 01/2020 đến cuối tháng 3/2020*

- Đại hội các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở.

- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo chuẩn bị và tiến hành đại hội điểm cấp cơ sở tháng 3/2020. Tổ chức thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng và văn kiện Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp.

- Xét duyệt nội dung đại hội, cho ý kiến số lượng cấp ủy viên và nhân sự cấp ủy cơ sở, ấn định thời gian đại hội các chi, đảng bộ cơ sở.

- Ban Thường vụ tỉnh ủy và Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề về mất đoàn kết nội bộ, đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc cán bộ vi phạm kỷ luật...; bố trí, điều động, luân chuyển cán

bộ theo định hướng cơ cấu; thay thế cán bộ không bảo đảm tiêu chuẩn trước khi tiến hành đại hội.

** Từ tháng 4/2020 đến cuối tháng 6/2020*

- Đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra công tác chuẩn bị đại hội và trực tiếp chỉ đạo đại hội đại biểu các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

- Tháng 5/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt nội dung văn kiện đại hội và nhân sự các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy. Trên cơ sở đó bổ sung hoàn chỉnh trước khi tổ chức đại hội.

- Cuối tháng 5/2020, Đại hội điểm đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy rút kinh nghiệm.

- Tháng 6 đến cuối tháng 8/2020, các đảng bộ huyện, thành phố, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tiến hành đại hội và báo cáo kết quả đại hội về Tỉnh ủy. Tỉnh ủy rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tiến hành đại hội cấp huyện, tổng hợp báo cáo kết quả về Trung ương.

** Từ tháng 8/2020 đến tháng 9/2020*

Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoàn thành phương án nhân sự cấp ủy tỉnh khóa XI, Văn kiện, Chương trình Đại hội, cơ sở vật chất phục vụ Đại hội; gửi hồ sơ nhân sự cấp ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đến Ban Tổ chức Trung ương thẩm định, cho ý kiến trước 45 ngày làm việc đến thời điểm dự kiến khai mạc Đại hội Đảng bộ tỉnh; bổ sung, hoàn chỉnh theo sự chỉ đạo của Trung ương (nếu có), trình Tỉnh ủy xem xét thông qua.

** Tháng 10/2020:* Tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

7. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ sau đại hội

- Thực hiện việc bố trí, sắp xếp, phân công cấp ủy viên khóa mới ngay sau đại hội theo đúng phương án nhân sự đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cùng với việc phân công cấp ủy viên khóa mới, cấp ủy các cấp tiến hành sắp xếp, bố trí, kịp thời thực hiện chế độ, chính sách và làm tốt công tác tư tưởng đối với các đồng chí cấp ủy viên không tái cử theo quy định của Đảng, Nhà nước.

- Đối với những đồng chí ở cấp tỉnh, cấp huyện không tái cử, nhưng còn thời gian công tác từ 24 tháng đến dưới 30 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu, nếu còn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe và có nguyện vọng công tác thì xem xét, bố trí công việc phù hợp (trừ các đồng chí có nguyện vọng nghỉ hưu sớm). Những đồng chí còn dưới 24 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu, nếu địa phương, cơ quan, đơn vị có khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí công việc phù hợp thì giữ nguyên chế độ và làm tốt công tác tư tưởng, động viên nghỉ công tác, chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Những đồng chí có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì giải quyết chế độ, chính sách kịp thời theo quy định của Chính phủ. Cán bộ ở cấp xã thực hiện theo Kết

luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI và quy định của Chính phủ.

- Về thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo HĐND, UBND và các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước có cơ cấu cấp ủy nhưng không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 thực hiện như sau:

+ Cấp tỉnh: Các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy thì cho thôi đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo nêu trên ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của HĐND sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo HĐND, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu HĐND thì để đồng chí đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2016 - 2021.

+ Cấp huyện, cấp xã: Các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác, nhưng không tham gia cấp ủy sau đại hội đảng bộ cấp xã, phường, thị trấn (*gọi chung là cấp xã*) và cấp huyện, thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025, thì cho thôi đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo nêu trên ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của HĐND cấp xã, cấp huyện, thành phố sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo HĐND, nếu nơi nào có nhân sự thay thế là đại biểu HĐND thì thực hiện việc thay thế; trường hợp nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu HĐND thì có thể để đồng chí đương nhiệm tiếp tục công tác đến hết nhiệm kỳ HĐND 2016 - 2021.

III. THÀNH LẬP TIỂU BAN NHÂN SỰ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NHÂN SỰ

1. Đối với cấp tỉnh

1.1. Thành lập Tiểu ban nhân sự

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Tiểu ban nhân sự từ 05 - 07 đồng chí (*không quá 50% số lượng ủy viên ban thường vụ đương nhiệm*), gồm Bí thư, các Phó Bí thư, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng Ban tổ chức và một số đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Bí thư làm Trưởng Tiểu ban, đồng chí Trưởng Ban Tổ chức làm thường trực Tiểu ban. Nhiệm vụ của Tiểu ban nhân sự:

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phương hướng công tác nhân sự; xây dựng kế hoạch triển khai việc giới thiệu nhân sự dự kiến giới thiệu tham gia cấp ủy, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, bí thư, phó bí thư nhiệm kỳ 2020 - 2025; kiện toàn nhân sự các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021 ngay sau đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020; chuẩn bị nhân sự lãnh đạo HĐND, UBND nhiệm kỳ 2021 - 2026, Trưởng Đoàn ĐBQH và lãnh đạo chủ chốt của cấp ủy ứng cử ĐBQH khóa XV, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định; đồng thời xây dựng Tờ trình về công tác nhân sự cấp ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025, trình Đại hội Đảng bộ tỉnh.

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Tổ giúp việc Tiểu ban nhân sự (*nếu thấy cần thiết*); quy định về nhiệm vụ, quyền hạn nguyên tắc, chế độ, lễ lễ làm việc và trách nhiệm của tiểu ban nhân sự và Tổ giúp việc (*nếu có*).

- Xây dựng kế hoạch làm việc với các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy trong công tác chuẩn bị nhân sự; lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành khảo sát nhân sự theo yêu cầu, tình hình cụ thể (*thành phần, nội dung, cách thức khảo sát do Tiểu ban quyết định*).

1.2. Xây dựng phương hướng công tác nhân sự (hoặc đề án nhân sự)

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng phương hướng công tác nhân sự (*hoặc đề án nhân sự*) nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong đó tập trung một số nội dung sau:

- Xây dựng báo cáo công tác nhân sự nhiệm kỳ 2020 - 2025: Để có cơ sở xây dựng phương án nhân sự nhiệm kỳ 2020 - 2025, cần phải đánh giá bối cảnh, tình hình; kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém của nhiệm kỳ 2015 - 2020; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra biện pháp khắc phục trong nhiệm kỳ tới.

- Quán triệt quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng và các quy định, hướng dẫn của cấp trên; dự báo bối cảnh, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và những năm tiếp theo; đồng thời đề bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đối với địa bàn, lĩnh vực quan trọng và thực hiện tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định, trên cơ sở nguồn cán bộ (*tái cử và quy hoạch*), cấp ủy các cấp tiến hành xác định cơ cấu, số lượng cấp ủy theo từng địa bàn, lĩnh vực công tác quan trọng theo hướng: Phải coi trọng chất lượng cấp ủy, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn và không nhất thiết địa phương, sở, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy.

- Việc xây dựng báo cáo công tác nhân sự và phương hướng công tác nhân sự cần phải được thảo luận dân chủ, kỹ lưỡng, phát huy trí tuệ của tập thể cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy; đồng thời tiếp thu tối đa ý kiến góp ý của cấp ủy, tổ chức đảng; tạo sự thống nhất, đồng thuận của cán bộ, đảng viên trong đảng bộ. Chủ động phòng ngừa, cảnh giác, ngăn chặn, đấu tranh, không để tác động, chi phối bởi những thông tin không chính thức, thông tin bịa đặt, xuyên tạc trên internet, mạng xã hội liên quan đến nhân sự và công tác chuẩn bị nhân sự.

2. Đối với cấp huyện, thành phố

Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy căn cứ nguyên tắc, nội dung, yêu cầu nêu tại Điểm 1 của Mục III để cụ thể hóa và quy định cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Đối với các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Không thành lập Tiểu ban nhân sự, Ban Thường vụ các Đảng ủy căn cứ nguyên tắc, nội dung, yêu cầu nêu tại Điểm 1 của Mục III để chỉ đạo xây dựng phương hướng công tác nhân sự (*hoặc đề án nhân sự*).

4. Đối với cấp cơ sở

Giao Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy quy định cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu cụ thể của từng địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy tổ chức quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Kế hoạch này và xây dựng kế hoạch thực hiện; lãnh đạo công tác chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ các cấp đạt kết quả tốt, đồng thời lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân; gắn với phát động các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2020.

2. Các cấp ủy thành lập các Tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công ủy viên thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng bộ cấp dưới; tổ chức Đại hội điểm ở các cấp để rút kinh nghiệm; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh.

Ban Thường vụ cấp ủy cấp dưới báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và phương án nhân sự cấp ủy, khi được cấp trên đồng ý mới tiến hành đại hội. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về dự thảo các văn kiện, xét duyệt phương án nhân sự cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy và phân công ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự, chỉ đạo, kiểm tra việc chuẩn bị và tổ chức đại hội các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

3. Sau đại hội, cấp ủy khoá mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội; báo cáo cấp ủy cấp trên chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy; tiến hành kiện toàn các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021; đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo HĐND, UBND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, Trưởng Đoàn ĐBQH khoá XV, nhân sự lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội theo quy định. Xây dựng Quy chế làm việc, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, phân công công tác đối với cấp ủy viên và thực hiện chế độ, chính sách kịp thời, nghiêm túc đối với các đồng chí không tái cử theo quy định.

4. Các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của mình hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chuẩn bị và tổ chức đại hội ở các địa phương, đơn vị; nắm tình hình và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đại hội từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng, cụ thể:

- *Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy*: Chỉ đạo, phối hợp, hướng dẫn các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền về đại hội đảng các cấp, các dự thảo văn kiện đại hội của từng cấp để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân; nắm bắt, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội; hướng dẫn thực hiện các nghi thức, trang trí, khai mạc, bế mạc đại hội; hướng dẫn nội dung tổ chức các đợt thi đua chào mừng đại hội đảng các cấp.

- *Văn phòng Tỉnh ủy*: Tổ chức thảo luận, tổng hợp góp ý kiến vào các văn kiện dự thảo của Trung ương, của tỉnh; hướng dẫn thực hiện kinh phí và chế độ chi tiêu đại hội.

- *Ban Tổ chức Tỉnh ủy*: Chủ trì phối hợp với các ban đảng có liên quan hướng dẫn cụ thể việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp. Xây dựng báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo đại hội đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh.

- *Ban Dân vận Tỉnh ủy*: Hướng dẫn, theo dõi, nắm tình hình các tầng lớp nhân dân; hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tổ chức cho đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân ở địa phương tham gia góp ý vào dự thảo văn kiện đại hội đảng các cấp. Phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể tổ chức các đợt thi đua lập thành tích chào mừng đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

- *Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*: Chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự dự kiến bầu vào cấp ủy, dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp; phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn quy trình nhân sự ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp.

- *Ban Nội chính Tỉnh ủy*: Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự dự kiến bầu vào cấp ủy, dự đại hội đại biểu các cấp thuộc lĩnh vực nội chính; tham gia với các cơ quan liên quan về công tác cán bộ theo phân cấp.

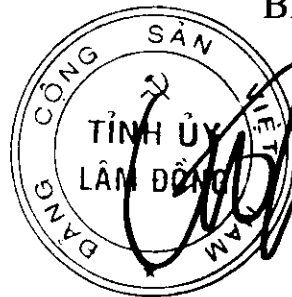
- *Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh*: Dự báo tình hình, chủ động phối hợp với các cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan chỉ đạo và xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn - xã hội trong quá trình đại hội đảng từ cấp cơ sở đến Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có những khó khăn, vướng mắc, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để chỉ đạo, xử lý kịp thời. ✓

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương (báo cáo),
- UBKT Trung ương (báo cáo),
- Vụ III-BTC Trung ương (báo cáo),
- Vụ VII-UBKT Trung ương (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Xuân Tiến



PHỤ LỤC 1

Tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025

(theo Kế hoạch số 96 -KH/TU ngày 09/8/2019
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Tiêu chuẩn chung (nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị và Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý)

(1) Tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia, dân tộc, Nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân. Yên tâm công tác, chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

(2) Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; không tham vọng quyền lực, không háo danh; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp. Bản thân không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm; công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, không đề người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi. Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

(3) Có tư duy đổi mới, có tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để phát huy, thúc đẩy hoặc tháo gỡ. Có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết cơ bản tình hình thực tế để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ. Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

(4) Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

(5) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ (theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền trong thời gian không quá 6 tháng đến thời điểm giới thiệu nhân sự); bảo đảm độ tuổi theo quy định.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

(1) Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy cấp tỉnh (bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh): Thực hiện theo Quy định số 90-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị; các đồng chí được giới thiệu để bầu giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt thì phải bảo đảm tiêu chuẩn của tất cả chức danh dự kiến đảm nhiệm.

(2) Tiêu chuẩn ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy cấp huyện (tương đương): Thực hiện theo Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; các đồng chí được giới thiệu để bầu giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp huyện thì phải bảo đảm tiêu chuẩn của tất cả chức danh dự kiến đảm nhiệm.

(3) Tiêu chuẩn ủy viên ban thường vụ cấp ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp cơ sở: Căn cứ vào tiêu chuẩn chung (nêu tại Mục 1) và yêu cầu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ đại hội 2020 - 2025, ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quy định, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, đơn vị.



PHỤ LỤC 2

Độ tuổi cấp ủy viên nhiệm kỳ 2020 - 2025

(theo Kế hoạch số 96 -KH/TU ngày 09/8/2019
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy

1.1. Đối với cấp tỉnh: Ít nhất nam sinh từ tháng 9/1965 và nữ sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây.

1.2. Đối với cấp huyện: Ít nhất nam sinh từ tháng 6/1965, nữ sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây.

1.3. Đối với cấp xã: Thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Ít nhất nam sinh từ tháng 4/1965 và nữ sinh từ tháng 4/1970 trở lại đây đối với những người là cán bộ, công chức cấp xã đang công tác và không quá 65 tuổi, tính từ thời điểm đại hội đối với những người không là cán bộ, công chức cấp xã (người hoạt động không chuyên trách, cán bộ nghỉ hưu, nghỉ chế độ...).

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy

2.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 3/1963 và nữ sinh từ tháng 3/1968 trở lại đây. Riêng các đồng chí có dự kiến giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026: Thực hiện theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị.

2.2. Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 12/1962 và nữ sinh từ tháng 12/1967 trở lại đây. Riêng các đồng chí có dự kiến giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026: Thực hiện theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị.

2.3. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp ủy căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Sĩ quan Công an nhân dân Việt Nam; các đồng chí tham gia cấp ủy địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp ủy các cấp theo Chỉ thị của Bộ Chính trị; các đồng chí tham gia cấp ủy trong đảng bộ Quân đội, Công an, Biên phòng tuổi tái cử phải đủ tuổi công tác ít nhất 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng đối với nhiệm kỳ 5 năm), trường hợp đặc biệt còn tuổi công tác từ 1 năm (12 tháng) đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và phải được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định (theo hướng dẫn cụ thể của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương).

3. Việc xác định độ tuổi của cán bộ, đảng viên không thống nhất

3.1. Nếu tuổi của cán bộ, đảng viên không thống nhất trong hồ sơ, thì xác định theo Thông báo số 13-TB/TW, ngày 17/8/2016 của Ban Bí thư và Công văn số 1901-CV/BTCTW, ngày 05/12/2016 của Ban Tổ chức Trung ương.

3.2. Trường hợp hồ sơ của cán bộ, đảng viên chỉ ghi năm sinh và không xác định được ngày sinh, tháng sinh thì xác định là ngày 01 và tháng 01 của năm sinh ghi trong hồ sơ (*thống nhất với Công văn số 745/HTQTCT-HT ngày 28/4/2016 của Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực, Bộ tư pháp hướng dẫn về nghi65p vụ hộ tịch quy định tại khoản 4, Điều 27, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ và khoản 2, Điều 22, Thông tư số 15/2015/TT-BTP, ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp*).



PHỤ LỤC 3

**Số lượng, cơ cấu cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ,
phó bí thư cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025**

(theo Kế hoạch số 96 -KH/TU ngày 09 /8/2019
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN CẤP TỈNH, CÁC HUYỆN ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TỈNH ỦY NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Số lượng

Thống nhất chủ trương thực hiện giảm khoảng 5% số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh, cấp huyện so với số lượng tối đa được cấp có thẩm quyền xác định ở nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh không quá 51 đồng chí.

- Số lượng cấp ủy viên cấp huyện, thành phố:

+ Các huyện ủy, thành ủy: Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm, số lượng cấp ủy viên không quá 41 đồng chí.

+ Các huyện ủy: Lạc Dương, Đơn Dương, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên số lượng cấp ủy viên không quá 39 đồng chí.

- Số lượng cấp ủy viên đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

+ Số lượng cấp ủy viên của Đảng ủy Khối các cơ quan - doanh nghiệp tỉnh (sau khi thực hiện Đề án hợp nhất Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh) không quá 23 đồng chí.

+ Số lượng cấp ủy viên của Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh không quá 21 đồng chí.

+ Số lượng cấp ủy viên của Đảng ủy Trường Đại học Đà Lạt, Đảng ủy Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt không quá 10 đồng chí.

2. Định hướng cơ cấu:

+ Đối với cấp tỉnh và cấp huyện:

Bí thư, phó bí thư; chủ tịch và các phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch và các phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; cấp trưởng, cấp phó (trừ Văn phòng, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ban Nội chính) các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc cấp ủy; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (trường hợp chưa thực hiện thí điểm trường ban dân vận đồng thời là chủ tịch Mặt trận Tổ quốc); Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (trường hợp thực hiện thí điểm trường ban dân vận đồng thời là chủ tịch Mặt trận Tổ quốc); trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân; Chỉ huy trưởng quân sự, chính ủy (đối với cấp tỉnh), chính trị viên (đối với cấp huyện); cấp trưởng, 01 cấp phó công an; Bí thư cấp ủy địa phương; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân.

Trưởng một sở, ngành, Trưởng Chính trị tỉnh (*đối với cấp tỉnh*); trưởng một số phòng chuyên môn (*đối với cấp huyện, thành phố*)...

+ *Đối với các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:*

Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ vào tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ chính trị cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ để xác định cơ cấu cấp ủy cho phù hợp.

II- SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP TỈNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Ban thường vụ

1.1. *Số lượng:* 15 đồng chí.

1.2. *Định hướng cơ cấu:* Bí thư, phó bí thư; chủ tịch và 1 phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch và 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và trưởng các ban: Tổ chức, Tuyên giáo, Dân vận, Nội chính; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (*trường hợp chưa thực hiện thì điểm trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Mặt trận Tổ quốc*); Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc công an tỉnh; Bí thư Thành ủy Đà Lạt, Bảo Lộc.

2. Phó bí thư

Số lượng: 02 đồng chí Phó bí thư.

III- SỐ LƯỢNG ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Đối với huyện, thành phố

+ Các huyện ủy, thành ủy: Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm, số lượng ban thường vụ cấp ủy không quá 13 đồng chí; phó bí thư 02 đồng chí.

+ Các huyện ủy: Lạc Dương, Đơn Dương, Đam Rông, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên số lượng ban thường vụ cấp ủy không quá 11 đồng chí; phó bí thư 02 đồng chí.

***Lưu ý:**

- Đối với đảng bộ thực hiện thí điểm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân, thì tiếp tục cơ cấu 02 phó bí thư: 01 phó bí thư làm thường trực cấp ủy, 01 phó bí thư làm chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc phụ trách lĩnh vực công tác cần tập trung sự lãnh đạo của cấp ủy (*nếu đồng chí phó bí thư cấp ủy không đủ điều kiện về tuổi để bầu hoặc tái cử giữ chức chủ tịch Hội đồng nhân dân*).

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy, phó bí thư được tăng thêm để luân chuyển, đào tạo theo quy hoạch của tỉnh không tính vào số lượng cấp ủy nêu tại Kế hoạch này; việc giới thiệu và bầu cử đối với số cán bộ được tăng thêm hiện đang công tác ở địa phương vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

+ Đảng ủy Khối các cơ quan - doanh nghiệp tỉnh (*sau khi thực hiện Đề án hợp nhất Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh*) số lượng ủy viên thường vụ không quá 07 đồng chí; phó bí thư 02 đồng chí.

+ Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh số lượng ủy viên thường vụ không quá 07 đồng chí; phó bí thư 02 đồng chí.

+ Đảng ủy Trường Đại học Đà Lạt, Đảng ủy Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, số lượng ủy viên thường vụ 03 đồng chí; phó bí thư từ 01 đến 02 đồng chí.

IV- CẤP CƠ SỞ

1. Đối với đảng bộ xã, phường, thị trấn

- Số lượng cấp ủy viên không quá 15 đồng chí. Đối với các xã, phường, thị trấn khi hợp nhất, sáp nhập theo Đề án của tỉnh số lượng cấp ủy viên tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn so với quy định; tuy nhiên, đến nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện số lượng cấp ủy viên theo quy định; phó bí thư từ 01 đến 02 đồng chí.

- Cơ cấu cấp ủy gồm: Cán bộ, công chức cấp xã đang công tác (*theo số lượng quy định của Chính phủ*) và những người không là cán bộ, công chức cấp xã (*người hoạt động không chuyên trách, cán bộ nghỉ hưu, nghỉ chế độ...*); cụ thể: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân; trưởng quân sự, trưởng công an, trưởng mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (*phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, nông dân*) và từ 01 - 02 là công chức cấp xã đang công tác, người hoạt động không chuyên trách, bí thư chi bộ thôn, khu phố, ngành giáo dục, y tế...

2. Những đảng bộ cơ sở thuộc loại hình khác

- Số lượng cấp ủy viên thực hiện như ở nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Cơ cấu cấp ủy do ban thường vụ các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy căn cứ vào quy định chung và tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương, đơn vị để hướng dẫn cho phù hợp.



PHỤ LỤC 4

Quy trình và hồ sơ nhân sự cấp ủy cấp tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025
(theo Kế hoạch số 96 -KH/TU ngày 09 /8/2019
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- QUY TRÌNH NHÂN SỰ

Thực hiện quy trình nhân sự đối với các đồng chí tái cử cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy trước; sau khi xác định được số lượng các đồng chí tái cử mới tiếp tục thực hiện quy trình nhân sự đối với các đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy, cụ thể như sau:

1. Đối với các đồng chí tái cử cấp ủy

(1) Bước 1: Tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 1)

Căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng được Bộ Chính trị, Ban Thường vụ tỉnh ủy quy định và phương hướng công tác nhân sự được cấp ủy thông qua; trên cơ sở danh sách các đồng chí cấp ủy đương nhiệm, ban thường vụ cấp ủy chỉ đạo rà soát, đánh giá từng trường hợp và xem xét, thông qua danh sách cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy, phó bí thư, bí thư cấp ủy đương nhiệm đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tái cử cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở hội nghị cán bộ chủ chốt.

(2) Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến giới thiệu (bằng phiếu kín) theo danh sách nhân sự tái cử đã được ban thường vụ cấp ủy xem xét, thông qua ở bước 1 (hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt).

- Thành phần:

+ Ở cấp tỉnh: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trưởng các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh; bí thư các đảng bộ trực thuộc; chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

+ Ở cấp huyện: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, thành phố; bí thư các chi bộ, đảng bộ trực thuộc; chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

+ Ở các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các phòng, ban và tương đương, trưởng các đoàn thể; bí thư các chi bộ, đảng bộ trực thuộc.

(3) Bước 3: Tổ chức hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 1)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín).

(4) Bước 4: Tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 2)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và kết quả khảo sát nhân sự

(nếu có); ban thường vụ cấp ủy xem xét, bỏ phiếu thông qua danh sách nhân sự tái cử cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 để trình hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 2).

Về nội dung khảo sát nhân sự: Ban thường vụ cấp ủy và Tiểu ban Nhân sự nếu xét thấy cần thiết thì tiến hành khảo sát, đánh giá về phẩm chất đạo đức, lối sống và uy tín; năng lực, thành tích và sản phẩm công tác nổi trội đối với nhân sự (đã được giới thiệu ở bước 3) tại nơi công tác, cơ quan liên quan và cấp ủy cơ sở nơi cư trú.

(5) Bước 5: Tổ chức hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 2).

- Trình tự thực hiện:

- + Phân tích kết quả lấy phiếu ở các hội nghị.
- + Xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có).
- + Tập thể ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập ở các bước (riêng bước 2 tính trên số đại biểu có mặt); kết quả kiểm phiếu được công bố tại các hội nghị.

2. Đối với nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy

(1) Bước 1: Tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 1)

Căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng được Bộ Chính trị, Ban Thường vụ tỉnh ủy quy định và phương hướng công tác nhân sự được cấp ủy thông qua; trên cơ sở danh sách quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026 và tổ chức chính trị - xã hội (theo nhiệm kỳ của từng tổ chức); ban thường vụ cấp ủy tiến hành rà soát, đánh giá từng trường hợp và xem xét, thông qua danh sách dự kiến những nhân sự trong quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và các chức danh lãnh đạo cấp ủy theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở hội nghị cán bộ chủ chốt.

(2) Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến giới thiệu (bằng phiếu kín) theo danh sách nhân sự đã được hội nghị ban thường vụ cấp ủy xem xét, thông qua ở bước 1 (hội nghị tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt).

- Thành phần:

+ Ở cấp tỉnh: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; bí thư các đảng bộ trực thuộc, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

+ Ở cấp huyện: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, thành phố; bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

+ Ở đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ;

trưởng, phó các phòng, ban và tương đương, trưởng các đoàn thể; bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng chức danh theo quy định¹ và xem xét, lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách đã được hội nghị ban thường vụ cấp ủy thông qua ở bước 1 hoặc có thể giới thiệu nhân sự khác nhưng phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý từ 30% tổng số đại biểu có mặt trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (*tính cả số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước sau.

(3) Bước 3: Tổ chức hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 1)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện được Bộ Chính trị, Ban Thường vụ tỉnh ủy phân bổ và phương hướng công tác nhân sự được cấp ủy thông qua; trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*).

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng chức danh theo quy định và xem xét, lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách đã được hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu ở bước 2 hoặc có thể giới thiệu nhân sự khác nhưng phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu có mặt và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (*tính cả số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước sau.

(4) Bước 4: Tiến hành khảo sát nhân sự và tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 2)

Ban thường vụ cấp ủy và Tiểu ban Nhân sự tiến hành khảo sát, đánh giá về phẩm chất đạo đức, lối sống và uy tín; năng lực, thành tích và sản phẩm công tác nổi trội đối với nhân sự được giới thiệu ở bước 3 tại nơi công tác, cơ quan liên quan và cấp ủy cơ sở nơi cư trú (*căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị, ban thường vụ cấp ủy và Tiểu ban Nhân sự xác định nhân sự và phương pháp tiến hành khảo sát cụ thể*).

¹ Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 40 người; số tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số lượng được giới thiệu còn lại không quá 26 người (tính theo số dư từ 10 - 15%); đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như cấp ủy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và kết quả khảo sát nhân sự (nếu có), ban thường vụ cấp ủy xem xét, bỏ phiếu thông qua danh sách nhân sự tham gia cấp uỷ khóa mới để lấy ý kiến giới thiệu ở hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 2).

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng chức danh theo quy định và xem xét, lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách đã được hội nghị ban chấp hành giới thiệu ở bước 3.

- Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (*tính cả số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp uỷ viên được phân bổ theo quy định*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước sau.

(5) Bước 5: Tổ chức hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 2)

Trình tự thực hiện:

- + Phân tích kết quả lấy phiếu ở các hội nghị.
- + Xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có).
- + Tập thể ban chấp hành đảng bộ thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*).

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng chức danh theo quy định và xem xét, lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách đã được hội nghị ban thường vụ cấp uỷ thông qua ở bước 4.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (*tính cả số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp uỷ viên được phân bổ theo quy định*). Trường hợp có hai người trở lên cùng có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do người đứng đầu cấp uỷ giới thiệu (*kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị*).

II- DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ VÀ THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ

2.1. Danh mục hồ sơ nhân sự

Thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình.
2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu (*kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước*).
3. Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu 2C/TCTW*) do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4 x 6, chụp trong thời gian không quá 6 tháng.
4. Bản kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng uỷ cơ quan nơi cán bộ công tác.

5. Nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc của ban thường vụ cấp ủy về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ; (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất; (3) Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Quy chế nêu gương; (4) Uy tín và triển vọng phát triển.

6. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ. Trường hợp bản nhận xét của cấp ủy nơi cư trú không thống nhất với nơi nhân sự đang cư trú hoặc nhân sự có vợ (chồng), con đang học tập, làm việc ở nước ngoài, làm việc cho các tổ chức quốc tế thì nhân sự phải báo cáo, giải trình và được cấp có thẩm quyền xác nhận theo quy định.

7. Kết luận của ban thường vụ cấp ủy về tiêu chuẩn chính trị theo Quy định số 126-QĐ/TW, ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị khóa XII.

8. Bản kê khai tài sản thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCT, ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ (*ký xác nhận và ghi rõ họ tên vào từng trang*).

9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, ngoại ngữ,... (*có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền*). Trường hợp nhân sự có bằng tiến sĩ, thạc sĩ, đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc cơ sở đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài cấp phải có Giấy xác nhận của Cục quản lý chất lượng, Bộ giáo dục và đào tạo theo quy định.

10. Bản sao giấy khai sinh (*hợp lệ*) hoặc bản sao lý lịch đảng viên gốc có xác nhận của cấp ủy có thẩm quyền.

11. Kết luận tình trạng sức khỏe của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp ủy cùng cấp; đối với các đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy phải có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền (*trong thời hạn 6 tháng*).

Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm chính trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

2.2. Thời gian nộp hồ sơ

Các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy gửi hồ sơ nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 ít nhất trước 45 ngày làm việc đến thời điểm dự kiến khai mạc đại hội đảng bộ (*thời điểm được tính là ngày Ban Tổ chức Tỉnh ủy nhận được hồ sơ theo đường bưu điện*); trong đó lưu ý gửi kèm danh sách quy hoạch cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
